

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT
TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ**
**Son Ha Development of
Renewable Energy Joint Stock
Company**

Số/No: 02/2026/CBTT-SHE

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2026
Hanoi, Jan 26, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GDCK HÀ NỘI
Information disclosure

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ The State Securities Commission
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội/ Hanoi Stock Exchange

1. Tên đơn vị : Công ty Cổ phần Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà
Organization name: Son Ha Development of Renewable Energy Joint Stock Company
2. Mã chứng khoán: SHE
Stock code/ Broker code: SHE
3. Stock Exchange : HNX
4. Địa chỉ trụ sở chính: Lô D, cụm công nghiệp Thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.
Address: Lot D, Phung Town Industrial Cluster, Dan Phuong Commune, Hanoi City, Vietnam.
5. Điện thoại: 84-24-62656566
Phone: 84-24-62656566
6. Người thực hiện công bố thông tin: Bà Trịnh Thị Kim Anh – Kế toán trưởng.
Person in charge of information disclosure: Trinh Thi Kim Anh - Chief accountant.
7. Loại thông tin công bố: ☐ 24 giờ ☐ Bất thường ☐ Theo yêu cầu ☐ Định kỳ
8. Type: ☐ 24h ☐ Abnormal ☐ Upon request ☐ Periodic
9. Nội dung thông tin công bố (*):

Content:

Công ty Cổ phần Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà công bố thông tin:
Son Ha Development of Renewable Energy Joint Stock Company announces information:

Đính chính báo cáo tài chính Quý 4/2025

Amendment to the Q4/2025 Financial Statements.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 26/01/2026 tại đường dẫn www.thaiduongnang.com.vn.

This information was disclosed on the Company's official website on January 26, 2026 at the following link: www.thaiduongnang.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby undertake that the information disclosed above is true and accurate, and we take full legal responsibility for the content of the disclosed information

Nơi nhận:

Recipients:

- Như Kính gửi;

As per the addressees

- Lưu HCNS.

Filed with HR & Administration
Department

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
Person in charge of information disclosure



Trịnh Thị Kim Anh

SONHA
SHE

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN
NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ
SON HA ENERGY DEVELOPMENT
JOINT STOCK COMPANY

Số: 02/2026/CV-SHE

Number: 02/2026/CV-SHE

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, 26 tháng 01 năm 2026

Hanoi, January 26, 2026

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Hanoi Stock Exchange

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà đã lập báo cáo tài chính quý 4 năm 2025. Tuy nhiên, do lỗi đánh máy và nhập liệu, có sự sai lệch trong báo cáo: BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH trong báo cáo tài chính quý 4 năm 2025 bản Tiếng Anh

Son Ha Energy Development Joint Stock Company has prepared its financial statements for the four quarter of 2025. However, due to errors in typing and data entry, there is a discrepancy in the report: INCOME STATEMENT in the financial statements for the four quarter of 2025(English version).

Bằng văn bản này chúng tôi xin đính chính lại thông tin cụ thể như sau:

We would like to correct the following information in writing:

Nội dung hiện tại

Current content:

INCOME STATEMENT

4th QUARTER of the fiscal year ending Dec 31, 2025

Unit: VND

ITEMS		Code	Note	4th quarter of this year		Accumulated from the beginning of the year to the end of this period	
				Current year	Previous year	Current year	Previous year
1.	Sales	01	VI.1	73,606,016,066	48,660,459,494	274,396,981,147	126,257,150,813
2.	Sales deductions	02		139,570,321	257,374,900	3,525,024,754	360,512,696
3.	Net sales	10		101,899,170,714	70,510,979,404	270,871,956,393	125,896,638,117
4.	Costs of sales	11	VI.2	89,783,339,848	61,391,577,900	340,593,666,132	167,299,979,301
5.	Gross profit/ (loss)	20		12,115,830,866	9,119,401,504	(69,721,709,739)	(41,403,341,184)
6.	Financial income	21	VI.3	383,729,884	15,464,644	577,824,884	230,859,886
7.	Financial expenses	22	VI.4	1,526,917,236	1,085,643,250	5,337,771,199	4,447,582,259
	In which: Loan interest expenses	23		1,505,979,623	1,064,412,512	5,269,711,727	4,263,508,191
8.	Selling expenses	25	VI.5	568,856,719	711,112,288	2,021,275,331	3,309,670,500
9.	General and administrative expenses	26	VI.6	7,811,173,516	4,035,419,156	14,149,852,337	9,843,240,664



10	Net operating profit/ (loss)	30		2,592,613,279	3,302,691,454	(90,652,783,722)	(58,772,974,721)
11	Other income	31	VI.7	1,899,631,562	994,255,155	6,317,382,309	3,719,301,304
12	Other expenses	32	VI.8	845,717	13,932,295	714,355,664	86,000,711
13	Other profit/ (loss)	40		1,898,785,845	980,322,860	5,603,026,645	3,633,300,593
14	Total accounting profit/ (loss) before tax	50		4,491,399,124	4,283,014,314	(85,049,757,077)	(55,139,674,128)
15	Current income tax	51		935,716,987	841,202,359	3,415,511,018	3,121,544,697
17	Profit/ (loss) after tax	60		<u>3,555,682,137</u>	<u>3,441,811,955</u>	<u>(88,465,268,095)</u>	<u>(58,261,218,825)</u>

Nội dung sau điều chỉnh

Content after adjustments:

INCOME STATEMENT

4th QUARTER of the fiscal year ending Dec 31, 2025

Unit: VND

ITEMS	Cod e	Not e	4th quarter of this year		Accumulated from the beginning of the year to the end of this period	
			Current year	Previous year	Current year	Previous year
1. Sales	01	VI.1	102,398,835,832	71,302,675,445	376,795,816,979	197,559,826,258
2. Sales deductions	02		499,665,118	791,696,041	4,024,689,872	1,152,208,737
3. Net sales	10		101,899,170,714	70,510,979,404	372,771,127,107	196,407,617,521
4. Costs of sales	11	VI.2	89,783,339,848	61,391,577,900	340,593,666,132	167,299,979,301
5. Gross profit/ (loss)	20		12,115,830,866	9,119,401,504	32,177,460,975	29,107,638,220
6. Financial income	21	VI.3	383,729,884	15,464,644	577,824,884	230,859,886
7. Financial expenses	22	VI.4	1,526,917,236	1,085,643,250	5,337,771,199	4,447,582,259
In which: Loan interest expenses	23		1,505,979,623	1,064,412,512	5,269,711,727	4,263,508,191
8. Selling expenses	25	VI.5	568,856,719	711,112,288	2,021,275,331	3,309,670,500
9. General and administrative expenses	26	VI.6	7,811,173,516	4,035,419,156	14,149,852,337	9,843,240,664
10. Net operating profit/ (loss)	30		2,592,613,279	3,302,691,454	11,246,386,992	11,738,004,683
11. Other income	31	VI.7	1,899,631,562	994,255,155	6,317,382,309	3,719,301,304
12. Other expenses	32	VI.8	845,717	13,932,295	714,355,664	86,000,711
13. Other profit/ (loss)	40		1,898,785,845	980,322,860	5,603,026,645	3,633,300,593
14. Total accounting profit/ (loss) before tax	50		4,491,399,124	4,283,014,314	16,849,413,637	15,371,305,276
15. Current income tax	51		935,716,987	841,202,359	3,415,511,018	3,121,544,697
17. Profit/ (loss) after tax	60		<u>3,555,682,137</u>	<u>3,441,811,955</u>	<u>13,433,902,619</u>	<u>12,249,760,579</u>

Ngoài những điều chỉnh đã nêu trong tài liệu này, tất cả nội dung còn lại trong báo cáo tài chính quý 4 năm 2025 vẫn không thay đổi. Việc điều chỉnh các số liệu trong chỉ số/nội dung nêu trên không ảnh hưởng hoặc thay đổi các chỉ số/nội dung khác đã được trình bày trong báo cáo tài chính quý 4 năm 2025 đã được công bố.

In addition to the corrections mentioned in this document, all remaining content in the financial statements for the four quarter of 2025 remains unchanged, unmodified. Adjusting the figures in the above indicator/content does not affect or change other indicators/content already presented in the financial statements for the four quarter of 2025 that have been issued.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ
SON HA ENERGY DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY



GIÁM ĐỐC

Trần Ngọc Hùng

